

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 22 tháng 11 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: **LÊ THỊ HỒNG LIÊN** Ngày, tháng, năm, sinh: 05-05-1971
 - Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng; Bí thư Chi bộ trường Tiểu học THSP Nguyễn Như Kon Tum.
 - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Thực hành Sư phạm Nguyễn Như Kon Tum.
 - Nơi thường trú: 441 U Rê - Tổ 9 Phường Duy Tân -TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 051171006796 ngày cấp: 15/08/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: Lê Văn Bảo Ngày tháng năm sinh: 12/08/1970
 - Nghề nghiệp: Nhân viên
 - Nơi làm việc: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Kon Tum.
 - Nơi thường trú: 441 U Rê - Tổ 9 Phường Duy Tân -TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 051070022907 ngày cấp: 15/08/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
3. Con chưa thành niên (con đẻ)
 - 3.1. Con thứ nhất
 - Họ và tên: Lê Đức Huy Ngày tháng năm sinh: 19/02/1999
 - Nơi thường trú: 441 U Rê - Tổ 9 Phường Duy Tân -TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 062099006533 ngày cấp: 10/05/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 - 3.2. Con thứ hai

- Họ và tên: Lê Bảo Ngọc Ngày tháng năm sinh: 05/06/2005 (Khuyết tật trí tuệ)

- Nơi thường trú: 441 U Rê - Tổ 9 Phường Duy Tân - TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 062305006901 ngày cấp: 11/08/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất

1.1. Đất ở

1.1.1. Thửa thứ nhất

- Địa chỉ: 441 U Rê - Tổ 9 Phường Duy Tân-TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum
- Diện tích: 179,9 m²
- Giá trị: 4.000.000.000đ (theo giá thị trường hiện tại)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Bìa đỏ Số 47- Thửa đất số 100- Địa chỉ 82 U Rê – Tổ 9- Phường Duy Tân- Thành phố Kon Tum, người đứng tên: Lê Văn Bảo - Lê Thị Hồng Liên, do UBND Thị xã Kon Tum cấp ngày 02/12/2002
- Thông tin khác (nếu có): Không

1.1.2. Thửa thứ 2

- Địa chỉ: 68 Nơ Trang Long – Phường Trường Chinh- TP Kon Tum
- Diện tích: 1047 m²
- Giá trị: 4.500.000.000đ (theo giá trị trường hiện tại)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Bìa đỏ Số 09- Thửa đất số 141- Địa chỉ 06 Nơ Trang Long – Phường Trường Chinh- TP Kon Tum, người đứng tên: Lê Văn Bảo - Lê Thị Hồng Liên, do UBND Thị xã Kon Tum cấp ngày 09/10/2007

1.1.3. Thửa thứ 3

- Địa chỉ: Quốc lộ 24 – Kon Tu 2- Phường Trường Chinh - TP Kon Tum
- Diện tích: 382 m²
- Giá trị: 3.000.000.000đ (theo giá thị trường hiện tại)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Bìa đỏ Số 08- Thửa đất số 03- Địa chỉ 06 Quốc lộ 24 – Kon Tu 2- Phường Trường Chinh- TP Kon Tum, người đứng tên: Lê Văn Bảo - Lê Thị Hồng Liên, do UBND Thành phố Kon Tum cấp ngày 10/04/2015

1.2. Các loại đất khác: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở

2.1.1. Nhà thứ nhất

- Địa chỉ: 441 U Rê - Tổ 9 Phường Duy Tân-TP Kon Tum- Tỉnh Kon Tum
- Loại nhà: Cấp 1
- Diện tích sử dụng: 179,9 m²
- Giá trị: 500.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Bìa đỏ Số 47- Thửa đất số 100- Địa chỉ 82 U Rê – Tổ 9- Phường Duy Tân- Thành phố Kon Tum, người đứng tên: Lê Văn Bảo - Lê Thị Hồng Liên, do UBND Thị xã Kon Tum cấp ngày 02/12/2002

2.1.2. Nhà thứ 2

- Địa chỉ: 68 Nơ Trang Long – Phường Trường Chinh- TP Kon Tum
- Loại nhà: Cấp 4
- Diện tích sử dụng: 40 m²
- Giá trị: 50.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Bìa đỏ Số 09- Thửa đất số 141- Địa chỉ 06 Nơ Trang Long – Phường Trường Chinh- TP Kon Tum, người đứng tên: Lê Văn Bảo - Lê Thị Hồng Liên, do UBND Thị xã Kon Tum cấp ngày 09/10/2007

2.2. Công trình xây dựng khác: Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không.

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): Không.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- Tên tài sản: Bàn ghế năm bắt đầu sở hữu: 2009 Giá trị: 150.000.000đ.

- Tên tài sản: đồ mỹ nghệ Năm bắt đầu sở hữu: 2010, 2011 Giá trị: 100.000.000đ

8. Tài sản ở nước ngoài: Không.

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không.

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 240.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 80.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0đ
- Tổng các khoản thu nhập chung: 320.000.000 đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác	Không		
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác	Không		
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu	Không		

đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	Không		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.	Có	+35.000000đ	Thu nhập từ lương

Kon Tum.. ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
TRƯỞNG BAN THANH TRA

Đặng Thị Thu Vân

Kon Tum. Ngày 22 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Lê Thị Hồng Liên

Lê Thị Hồng Liên